

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày 05-01-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Na Rét

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng L, sinh ngày 14/01/2001 tại huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Đỗ Tuyết L1; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 03 lần bị Tòa án xét xử nhưng được coi là không có án tích cụ thể:

Bản án số 05/2018/HSST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án số 137/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt 04 tháng tù tại Bản án số 05/2018/HSST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 02 năm 10 tháng tù;

Bản án số 21/2019/HS-ST ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án số 137/2018/HS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và hình phạt 04 tháng tù tại Bản án số 05/2018/HSST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 03 năm 07 tháng tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/7/2023 đến nay (bị cáo có mặt).

2. Trần Nhật L2, sinh ngày 11/3/1997 tại huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Tăng Thị H; có vợ tên Phan Thị Cẩm T đã ly hôn và có 01 người con sinh năm 2016; tiền án không, tiền sự có 01 tiền sự tại Quyết định số 89/QĐ-TA ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian cai nghiện 18 tháng; nhân thân: Có 01 án tích tại Bản án số 73/2020/HS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chấp hành xong ngày 17/4/2021, án tích đã được xóa.

Bị cáo hiện đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bạc Liêu (bị cáo có mặt).

- *Bị hại:* Ông Lý Thanh T1, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị Kim T2, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Đỗ Tuyết L1, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Nguyễn Thành L3, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông Nguyễn Chí T3, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Huỳnh Việt T4, sinh năm 2001 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ, ngày 08 tháng 5 năm 2023, Bị cáo Lê Hoàng L điều khiển xe mô tô mang biển số 69F1-057.55 nhãn hiệu Sirius màu đen đến nhà trọ của bị cáo Trần Nhật L2 tại Phường A, thành phố B để rủ Nhật L2 đi trộm tài sản của người khác thì Nhật L2 đồng ý. Lúc này, Hoàng L điều khiển xe chở Nhật L2 ngồi sau đi từ Bạc Liêu theo đường Quốc lộ 1 hướng về thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Khi đi đến địa phận thuộc ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì Hoàng L phát hiện cửa hàng sửa chữa điện thoại di động hiệu L của ông Lý Thanh T1 đang khóa trái cửa bên ngoài nên Hoàng L điều khiển xe dừng lại, quan sát thấy không có ai trông coi và vắng người qua lại nên Hoàng L kêu Nhật L2 xuống xe đi vào trước cửa nhà cầm ổ khóa cho Hoàng L dùng cây kiểm cộng lực đã chuẩn bị sẵn để cắt đứt ổ khóa. Sau khi cắt ổ khóa xong, Nhật L2 đi ra ngoài xe ngồi chờ, còn Hoàng L mở cửa đi vào cửa hàng tìm tài sản lấy trộm. Tại đây, Hoàng L dùng đèn led điện thoại Iphone của mình để tìm tài sản thì phát hiện cửa hàng có lắp đặt Camera nên Hoàng L lấy tấm vải của cửa hàng che mắt Camera lại, Hoàng L quan sát thấy cửa hàng có các tài sản là: 01 Laptop, 01 máy in, 01 máy tính bảng, 01 túi ba lô màu xám, 04 điện thoại di động, 06 màn hình điện thoại, 15 điện thoại bàn phím, 14 ốp lưng điện thoại. Khi thấy được tài sản Hoàng L bỏ các tài sản vào túi ba lô và vác lên vai, còn máy in và kiểm cộng lực thì Hoàng L ôm ra xe và ngồi sau cho Nhật L2 điều khiển xe chạy chở Hoàng L về nhà, đi được một đoạn thì Hoàng L vứt cây kiểm cộng lực ở cặp đường và tiếp tục điều khiển xe đến quán cà phê 99 của ông Nguyễn Thành L3 tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì Nhật L2 dừng xe lại và chia nhau tài sản vừa lấy trộm được, Hoàng L thì lấy 04 cái điện thoại (01 cái nhãn hiệu REALME C3i, màu xanh; 01 cái nhãn hiệu IPHONE XSMAX, màu vàng; 01 cái nhãn hiệu VSMART JOY 3, màu đen và 01 cái nhãn hiệu SAMSUNG SM-A530, màu đen) và 06 màn hình điện thoại, còn Nhật L2 thì lấy 01 Laptop, 01 máy tính bảng và 01 điện thoại bàn phím Nokia màu đen, đối với các tài sản còn lại thì bỏ lại trong ba lô tại góc quán cà phê 99 của ông Nguyễn Thành L3, sau đó cả hai điều khiển xe về nhà. Sau khi có được tài sản, Hoàng L đem đến cửa hàng điện thoại bán cho ông Ngô Văn N 01 điện thoại di động IPHONE XSMAX màu vàng với giá là 500.000 đồng và 01 điện thoại di động REALME C3i màu xanh với giá 700.000 đồng, còn 02 điện thoại còn lại thì do bị hư nên Hoàng L gửi lại cửa hàng của ông N để sửa chữa, số tiền bán điện thoại có được thì Hoàng L tiêu xài cá nhân và bán cá hết, còn Nhật L2 khi có tài sản thì đem cất giấu tại nhà trọ của mình.

Sau khi bị mất trộm tài sản, ông Lý Thanh T1 đến Công an thị trấn P, huyện T trình báo sự việc. Sau đó Công an mời Lê Hoàng L và Trần Nhật L2 lên làm việc, tại đây cả hai thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành thu giữ tài sản trộm cắp gồm: Thu giữ của ông Ngô Văn N 04 điện thoại cảm ứng, thu giữ của bà Đỗ Tuyết L1 06 màn hình điện thoại, thu giữ của Trần Nhật L2 01 laptop, 01 máy tính bảng và 01 điện thoại Nokia màu đen, thu giữ của ông Nguyễn Chí T3 01 máy in, 14 ốp lưng điện thoại, 14 điện thoại bàn phím và 01 túi vải ba lô xám.

Cơ quan Công an tiến hành trưng cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS, ngày 12/6/2023 và Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện T đã kết luận:

- 01 máy in hiệu CANON – MF241D sản xuất năm 2019 đã qua sử dụng thời điểm tháng 05/2023 có giá 2.000.000 đồng;

- 01 điện thoại nhãn hiệu REALME C3i, màu xanh đen, sản xuất năm 2020 đã qua sử dụng thời điểm tháng 05/2023 có giá 300.000 đồng;

- 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE XSMAX (gold) sản xuất năm 2018 đã qua sử dụng thời điểm tháng 05/2023 có giá 300.000 đồng.

Tổng cộng giá trị các tài sản trên là 2.600.000 đồng.

Riêng 01 điện thoại VSMART JOY 3, 01 điện thoại SAMSUNG SM-A530 đã qua sử dụng, 06 màn hình điện thoại, 14 ốp lưng điện thoại, 01 laptop ASUS-K56C, 01 máy tính bảng hiệu Samsung trắng bạc ký hiệu CE0168, 01 túi ba lô vải màu xám có chữ honor và 15 điện thoại bàn phím đã qua sử dụng, tất cả có giá là 0 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-TT ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố các bị cáo Lê Hoàng L và Trần Nhật L2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại ông Lý Thanh T1 yêu cầu xử lý hình sự các bị cáo theo quy định pháp luật, về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 15.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Tuyết L1 xin nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động cơ quan Công an đang quản lý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Hoàng L và Trần Nhật L2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hoàng L mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Trần Nhật L2 mức án từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng, trong đó bị cáo Hoàng L bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo Nhật L2 bồi thường 3.000.000 đồng. Xử lý vật chứng đề nghị trả lại cho ông Huỳnh Việt T4 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius và trả cho bà Đỗ Tuyết L1 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng. Về án phí các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, tại lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Những người vắng mặt tại phiên tòa gồm: Bà Thạch Thị Kim T2, ông Ngô Văn N, ông Nguyễn Thành L3, ông Nguyễn Chí T3, ông Huỳnh Việt T4. Xét thấy, không cản trở việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở chứng minh ngày 08/5/2023 tại ấp X, thị trấn P, huyện T, lợi dụng lúc nhà vắng chủ, không có người trông coi, các bị cáo Lê Hoàng L và Trần Nhật L2 đã dùng kiếm cộng lực cắt đứt ổ khoá và đột nhập vào cửa hàng sửa chữa điện thoại di động của ông Lý Thanh T1 lấy trộm tài sản gồm: 01 Laptop, 01 máy in, 01 máy tính bảng, 01 túi ba lô màu xám, 04 điện đi động cảm ứng, 06 màn hình điện thoại, 15 điện thoại bàn phím, 14 ốp lưng điện thoại.

Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt, do các tài sản đều đã qua sử dụng, bị hại không chứng minh được nguồn gốc, xuất xứ và giá trị tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết luận định giá tài sản để xác định giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.600.000 đồng. Như vậy, giá trị tài sản để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 2.600.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo tuy mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Về vai trò của từng bị cáo trong thực hiện hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò và công việc của mỗi người khi thực hiện. Tuy nhiên, bị cáo Lê Hoàng L là người khởi xướng, rủ rê đồng thời là người thực hành, nên phải chịu trách nhiệm cao nhất, bị cáo Trần Nhật L2 với vai trò giúp sức, thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi và vai trò đồng phạm.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lê Hoàng L có nhân thân xấu, đã từng 03 lần bị kết án về hành vi có liên quan đến tội xâm phạm sở hữu, tuy nhiên, do bị cáo bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng và thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được coi như không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Trần Nhật L2 cũng có nhân thân xấu, có 01 tiền sự đang chấp hành cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh B và bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xoá án tích. Nhưng đến ngày 08/5/2023 các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản người khác, điều này cho thấy các bị cáo không biết ăn năn hối cải và xem thường pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Nên đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cũng như tình hình tội phạm tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng một hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết tuân thủ pháp luật và có ích cho xã hội sau này.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bị hại ông Lý Thanh T1 quá trình làm việc tại cơ quan điều tra có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản tổng các khoản là 16.580.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền thiệt hại về tài sản là 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý bồi thường 8.000.000 đồng, trong đó bị cáo Hoàng L đồng ý bồi thường số tiền 5.000.000 đồng và bị cáo Nhật L2 đồng ý bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Xét thấy, do bị hại không xuất trình được hoá đơn, chứng từ, nguồn gốc, xuất xứ của các tài sản bị thiệt hại và mức độ thiệt hại, các tài sản các bị cáo trộm được đều đã được hoàn trả đầy đủ cho bị hại. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của các bị cáo, buộc bị cáo Hoàng L bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng và buộc bị cáo Nhật L2 bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp ý chí tự nguyện của các bị cáo, không trái quy định pháp luật. Không chấp nhận đòi với số tiền chênh lệch 7.000.000 đồng mà bị hại yêu cầu.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định pháp luật và án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với số tiền có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại. Bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% đối với số tiền chênh lệch không được Toà án chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Các tài sản các bị cáo trộm đều thu hồi và hoàn trả lại cho bị hại ông Lý Thanh T1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Riêng đối với chiếc xe các bị cáo khai dùng làm phương tiện phạm tội mang biển số 69F1-

057.55 hiệu Sirius màu đen là tài sản của ông Huỳnh Việt T4 và ông T4 không biết các bị cáo dùng xe đi trộm nên cần giao trả lại tài sản trên cho ông T4. 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng là tài sản của bà Đỗ Tuyết L1 nên cần giao trả lại cho bà L1.

[11] Từ những phân tích nêu trên toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Ngô Văn N khi mua điện thoại của bị cáo Lê Hoàng L đã không biết tài sản trên do bị cáo trộm cắp, đối với bà Đỗ Tuyết L1, Nguyễn Thành L3, Nguyễn Chí T3 là người giữ các tài sản do các bị cáo trộm nhưng đều không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có và đã tự nguyện giao nộp lại các tài sản, nên không có căn cứ để xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Hoàng L và Trần Nhật L2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Xử phạt: Bị cáo Trần Nhật L2 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Hoàng L và Trần Nhật L2 có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lý Thanh T1 số tiền 8.000.000 đồng (trong đó bị cáo Lê Hoàng L bồi thường số tiền 5.000.000 đồng và bị cáo Trần Nhật L2 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại ông Lý Thanh T1 đối với số tiền chênh lệch 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên bố trả lại cho ông Huỳnh Việt T4 01 chiếc xe mô tô biển số 69F1-05755, loại xe Sirius màu đen, đã qua sử dụng. Tuyên bố trả lại cho

bà Đỗ Tuyết L1 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, đã qua sử dụng bị trầy xước nhiều nơi, phía sau lưng điện thoại có khoen tròn. Hiện các vật chứng trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Hoàng L và Trần Nhật L2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị hại ông Lý Thanh T1 phải chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối người vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
 - VKSND tỉnh Sóc Trăng;
 - Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
 - VKSND huyện Thạnh Trị;
 - Công an huyện Thạnh Trị
- (Cơ quan điều tra, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, CQTHAHS);
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
 - Bị cáo; Bị hại; NLQ;
 - Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp